

1.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ									Tự luận						
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”2			Trả lời ngắn									
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	
	HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ	Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$)	2 0,5									1 1,0		2	1		15% 1,5 (điểm)	
1	MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT	Thu thập và phân loại dữ liệu.						1 1,0								1	10% 1,0 (điểm)	
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ. Phân tích và xử lí dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.	3 0,75			1 1,0			1 0,5					5			22,5% 22,5 (điểm)	
		Xác suất của biến cố ngẫu nhiên trong một số trò chơi đơn giản. Xác suất thực	3 0,75								1 0,5			1 1,0	3		2	22,5% 22,5 (điểm)

		nhịệm của môt số biế cổ trong môt số trò chơi đơn giản.																
2	TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG. HÌNH ĐỒNG DẠNG	Định lí Thalès trong tam giác. Ứng dụng của định lí Thalès trong tam giác.		4 1,0				1 0,5		1 0,5				1	4	1	20% 2,0 (điểm)	
		Đường trung bình của tam giác. Tính chất đường phân giác của tam giác										1 1,0			1		10% 1,0 (điểm)	
Tổng số câu			8	4	0	1	0	1	2	0	2	0	2	1	11	6	4	21
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10,0
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100

2. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chương/ chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			Đúng – Sai			Trả lời ngắn					
				Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD
1	HÀM SỐ VÀ ĐỒ THỊ	Đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$)	Biết: - Nhận biết được khái niệm hệ số góc của đường thẳng $y = ax + b$ ($a \neq 0$). Hiểu: - Thiết lập được bảng giá trị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$). - Sử dụng được hệ số góc của đường thẳng để nhận biết và giải thích được sự cắt nhau hoặc song song của hai đường thẳng cho trước. Vận dụng: - Vẽ được đồ thị của hàm số bậc nhất $y = ax + b$ ($a \neq 0$). - Vận dụng được hàm số bậc nhất và đồ thị vào giải quyết một số bài toán thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) (ví dụ: bài toán về chuyển động đều trong Vật lí,...).	C4,5 0,5 (TD)										C19 1,0 (TD, MHH)	
2	MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG	Thu thập và phân loại dữ liệu.	Vận dụng: - Thực hiện và lí giải được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ nhiều nguồn khác nhau: văn bản;						C13 1,0 (TD)						

	KẾ VÀ XÁC SUẤT		bảng biểu; kiến thức trong các lĩnh vực giáo dục khác (Địa lí, Lịch sử, Giáo dục môi trường, Giáo dục tài chính,...); phỏng vấn, truyền thông, Internet; thực tiễn(môi trường, tài chính, y tế, giá cả thị trường,...). - Chứng tỏ được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí trong các số liệu điều tra; tính hợp lí của các quảng cáo,...).											
	Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ. Phân tích và xử lý dữ liệu thu được ở dạng bảng, biểu đồ.	Biết: - Nhận biết được mối liên hệ toán học đơn giản giữa các số liệu đã được biểu diễn. Từ đó, nhận biết được số liệu không chính xác trong những ví dụ đơn giản. Hiểu: - Mô tả được cách chuyển dữ liệu từ dạng biểu diễn này sang dạng biểu diễn khác Vận dụng: - Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (cho sẵn) (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). - So sánh được các dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.	C1,2,3 0,75 (TD)			C14 1,0 (TD)			C15 0,5 (TD)					
	Xác suất của biến cố ngẫu nhiên	Biết: - Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học	C6,7,8							C16 0,5				C20 1,0

		trong một số trò chơi đơn giản. Xác suất thực nghiệm của một số biến cố trong một số trò chơi đơn giản.	khác trong Chương trình lớp 8 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 8, Khoa học tự nhiên lớp 8,...) và trong thực tiễn. - Nhận biết được mối liên hệ giữa xác suất thực nghiệm của một biến cố với xác suất của biến cố đó thông qua một số ví dụ đơn giản. Hiểu: - Phát hiện được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). Vận dụng: - Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (column chart), biểu đồ hình quạt tròn (pie chart); biểu đồ đoạn thẳng (line graph). - Sử dụng được tỉ số để mô tả xác suất của một biến cố ngẫu nhiên trong một số ví dụ đơn giản.	0,75 (TD)							(TD, GQ)			(TD)
3	TAM GIÁC ĐỒNG DẠNG. HÌNH ĐỒNG	Định lí Thalès trong tam giác. Ứng dụng của định lí Thalès trong tam	Hiểu: - Giải thích được định lí Thalès trong tam giác (định lí thuận và đảo). Vận dụng: - Tính được độ dài đoạn thẳng bằng cách sử dụng định lí Thalès.	C9, 10,11, 12 1,0 (TD)					C17 0,5 (TD)		C18 0,5 (TD, GQ)			

	DẠNG	giác.	- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí). Vận dụng cao: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc) gắn với việc vận dụng định lí Thalès										
		Đường trung bình của tam giác. Tính chất đường phân giác của tam giác	Biết: - Nhận biết được định nghĩa đường trung bình của tam giác. Hiểu: - Giải thích được tính chất đường trung bình của tam giác (đường trung bình của tam giác thì song song với cạnh thứ ba và bằng nửa cạnh đó). Vận dụng: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với việc vận dụng định lí Thalès (ví dụ: tính khoảng cách giữa hai vị trí).									21 1,0 (GQ, MHH)	
Tổng số câu			8 (2.0)	4 (1.0)		1 (1.0)		1 (1.0)	2 (1.0)		2 (1.0)	2 (2.0)	1 (1.0)
Tổng số điểm			3,0		2,0		2,0		3,0				
Tỉ lệ %			30				20		30				

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Biểu đồ dưới đây thể hiện số sách trong thư viện của một lớp. Khẳng định nào sau đây là đúng?

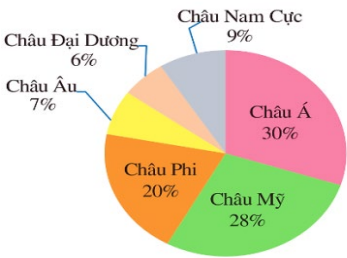
- A. Số sách Toán trong thư viện là 7 quyển.
- B. Số sách Ngữ Văn nhiều hơn số sách Tin học là 2 quyển.
- C. Tổng số sách trong thư viện là 21 quyển.
- D. Số sách Khoa học tự nhiên nhiều hơn số sách Lịch sử và Địa lí là 8 quyển.

Môn học	Số sách
Toán	
Ngữ văn	
Tin học	
Lịch sử và Địa lí	
Khoa học tự nhiên	
: 2 quyển sách	

Câu 2. Hình vẽ bên là biểu đồ về diện tích các châu lục trên thế giới.

Hỏi châu Mỹ chiếm bao nhiêu phần trăm tổng diện tích của cả sáu châu lục?

- A. 20%.
- B. 7%.
- C. 28%.
- D. 30%.



Câu 3. Thời gian tự tập luyện piano ở nhà các ngày trong tuần của hai bạn Huy và Hùng cho bởi bảng dưới đây.

Thời gian (phút)	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
Hùng	80	90	50	80	120	100	60
Huy	70	80	70	70	100	90	50

Với bảng thống kê trên, theo em biểu đồ nào sẽ phù hợp nhất để biểu diễn các dữ liệu trên?

- A. Biểu đồ cột đơn.
- B. Biểu đồ cột kép.
- C. Biểu đồ tranh.
- D. Biểu đồ quạt tròn.

Câu 4. Đồ thị hàm số $y = -3x + 2$ đi qua điểm nào dưới đây?

- A. $E(1;2)$
- B. $F(1;1)$
- C. $M(1;-1)$
- D. $N(2;4)$

Câu 5. Đường thẳng $y = 2x + 3$ có hệ số góc bằng:

- A. -3
- B. 3
- C. 2
- D. -2

Câu 6. Khi gieo một con xúc xắc, có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 5.
- D. 6.

Câu 7. Nếu tung một đồng xu 25 lần liên tiếp, có 12 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N” bằng bao nhiêu?

- A. $\frac{12}{25}$.
- B. $\frac{13}{25}$.
- C. $\frac{12}{13}$.
- D. $\frac{25}{13}$.

Câu 8. Một hộp chứa các quả bóng giống nhau có các màu xanh dương, cam và vàng. Trong 30 lần lấy bóng liên tiếp, quả bóng màu xanh dương xuất hiện 12 lần. Xác suất thực nghiệm của biến cố “Quả bóng lấy ra là quả bóng màu xanh dương” là

- A. $\frac{3}{7}$.
- B. $\frac{5}{8}$.
- C. $\frac{3}{4}$.
- D. $\frac{2}{5}$.

Câu 9. Cho $AB = 6\text{ cm}$, $AC = 8\text{ cm}$. Tỉ số của hai đoạn thẳng AB, AC là :

A. $\frac{1}{2}$.

B. $\frac{3}{4}$.

C. $\frac{4}{3}$.

D. 2.

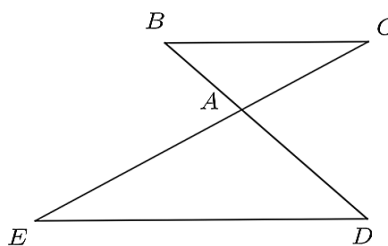
Câu 10. Cho hình vẽ bên, biết $BC \parallel ED$. Chọn khẳng định **sai** trong các khẳng định dưới đây.

A. $\frac{AB}{AD} = \frac{BC}{DE}$.

B. $\frac{AD}{AB} = \frac{AE}{AC}$.

C. $\frac{AB}{DB} = \frac{AC}{CE} = \frac{BC}{DE}$.

D. $\frac{AD}{AB} = \frac{AE}{AC} = \frac{DE}{BC}$.



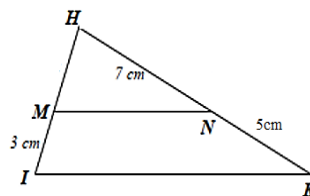
Câu 11. Cho hình vẽ bên, biết $MN \parallel IK$, $MI = 3\text{cm}$, $HN = 7\text{cm}$, $NK = 5\text{cm}$. Khi đó độ dài đoạn thẳng HM bằng :

A. 2,5 cm.

B. 4,2 cm.

C. 7 cm.

D. 5,25 cm.



Câu 12. Cho hình vẽ dưới đây.

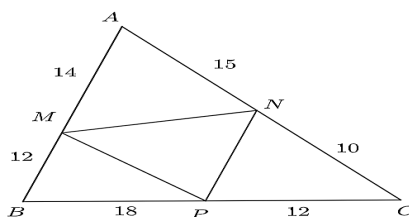
Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $MP \parallel AC$.

B. $NP \parallel AB$.

C. $MN \parallel BC$.

D. $MP \parallel AN$.



II. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. Ghi chữ Đ trước câu đúng và ghi chữ S trước câu sai.

Câu 13. Biểu đồ đoạn thẳng trong (hình bên) biểu diễn tuổi thọ trung bình của người Việt Nam qua 30 năm (từ năm 1989 đến năm 2019).

a) Từ biểu đồ đoạn thẳng, ta có bảng thống kê tuổi thọ trung bình của người Việt Nam trong các năm 1989, 1999, 2009, 2019 (đơn vị: tuổi) như sau:

Năm	1989	1999	2009	2019
Tuổi thọ trung bình	68,2	65,2	72,8	73,6

b) Tỷ số phần trăm của tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 2019 so với tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 1989 là:

$$\frac{73,6 \cdot 100}{68,2} \% \approx 113\%.$$

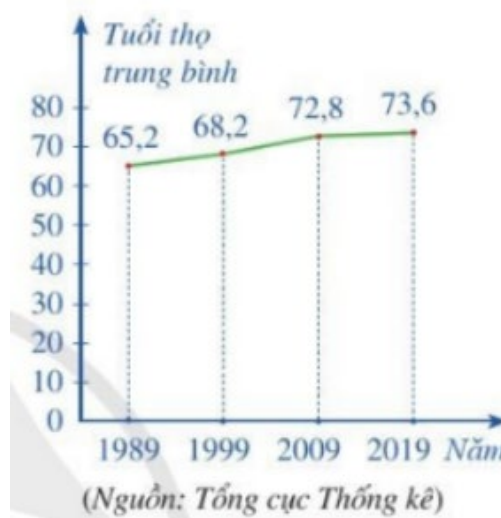
c) Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 2019 so với năm 1989 đã tăng lên 113%

d) Một bài báo có nêu thông tin: So với năm 1989, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam trong năm 2019 đã tăng lên 14%. Thông tin của bài báo đó là không chính xác.

Câu 14: Bảng thống kê số lượng học sinh từng lớp ở khối lớp 8 của một trường trung học cơ sở dự kiểm tra cuối Học kì I môn Toán.

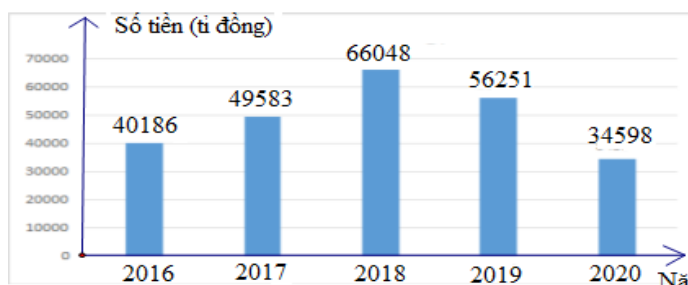
- a) Số học sinh dự thi của lớp 8A₁ là 34 học sinh.
b) Tổng số học sinh khối lớp 8 của trường là 135.
c) Số liệu của lớp 8A₃ là không hợp lí.
d) Tất cả các học sinh lớp 8 đều tham gia dự thi.

Lớp	Sĩ số	Số học sinh dự thi
8A ₁	34	34
8A ₂	35	35
8A ₃	33	35
8A ₄	34	33



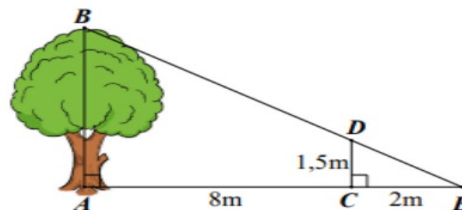
III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (2,0 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15: Biểu đồ cột ở (hình bên) biểu diễn ngân sách thu được từ dầu thô (ước đạt) trong tổng thu ngân sách nhà nước của Việt Nam trong các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020. Ngân sách thu được từ dầu thô của nước ta năm nào là nhiều nhất?



Câu 16. Nếu cho thêm 8 chiếc bút bi đỏ vào hộp có 42 chiếc bút thì khi chọn ngẫu nhiên một chiếc bút trong hộp, xác suất chọn được bút bi đỏ là 20%. Hỏi ban đầu trong hộp bút có bao nhiêu chiếc bút bi đỏ?

Câu 17. Để tính chiều cao AB của cây. Người ta cắm một cái cọc vuông góc với mặt đất sao cho bóng của đỉnh cọc trùng với bóng của ngọn cây (như hình vẽ), sau đó đo chiều cao của cọc CD = 1,5m và đo được các khoảng cách AC = 8m, EC = 2m. Hỏi chiều cao AB của cây là bao nhiêu mét ?.



Câu 18. Cho tam giác ACE vuông tại A , D thuộc cạnh CE , kẻ DB vuông góc với AC tại B . Biết $BC = 6$; $CE = 13,5$; $AB = x$; $CD = 3x$. Tìm độ dài đoạn thẳng CD .

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm). Thí sinh làm bài từ câu 19 đến câu 21.

Câu 19. (1,0đ)

- Vẽ đồ thị của hàm số $y = 3x + 6$
- Cho hàm số $y = ax + b (a \neq 0)$, xác định các hệ số a và b , biết đồ thị của hàm số song song với đường thẳng $y = 2x$ và đi qua điểm $M(-1; 5)$.

Câu 20. (1,0đ) Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có một chữ số.

- Viết tập hợp A gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên được viết ra? Tìm số phần tử của tập hợp A ?
- Tính xác suất của biến cố : “Số tự nhiên được viết ra là số lẻ”.

Câu 21. (1,0đ) Cho tứ giác ABCD có M, N, P, Q lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, BC, CD, DA. Hỏi tứ giác MNPQ là hình gì ? Vì sao ?.

.....

Họ tên HS:SBD:

Chữ kí giám thị:

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (7,0 điểm)

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Biểu đồ dưới đây thể hiện số sách trong thư viện của một lớp.

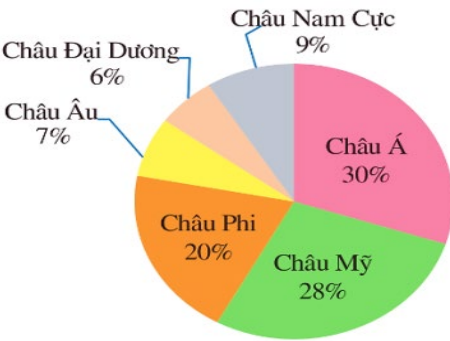
Khẳng định nào sau đây là đúng?

- A.** Số sách Toán trong thư viện là 7 quyển.
B. Số sách Ngữ Văn nhiều hơn số sách Tin học là 2 quyển.
C. Số sách Khoa học tự nhiên nhiều hơn số sách Lịch sử và Địa lí là 8 quyển.
D. Tổng số sách trong thư viện là 21 quyển.

Môn học	Số sách
Toán	
Ngữ văn	
Tin học	
Lịch sử và Địa lí	
Khoa học tự nhiên	
 : 2 quyển sách	

Câu 2. Hình vẽ bên là biểu đồ về diện tích các châu lục trên thế giới. Hỏi Châu Mỹ chiếm bao nhiêu phần trăm tổng diện tích của cả sáu châu lục?

- A.** 20%. **B.** 7%.
C. 30%. **D.** 28%.



Câu 3. Thời gian tự tập luyện piano ở nhà các ngày trong tuần của hai bạn Huy và Hùng cho bởi bảng dưới đây.

Thời gian (phút)	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật
Hùng	80	90	50	80	120	100	60
Huy	70	80	70	70	100	90	50

Với bảng thống kê trên, theo em biểu đồ nào sẽ phù hợp nhất để biểu diễn các dữ liệu trên?

- A.** Biểu đồ cột đơn. **B.** Biểu đồ tranh. **C.** Biểu đồ cột kép. **D.** Biểu đồ quạt tròn.

Câu 4. Đồ thị hàm số $y = -3x + 2$ đi qua điểm nào dưới đây?

- A.** $E(1;2)$ **B.** $F(1;1)$ **C.** $N(2;4)$ **D.** $M(1;-1)$

Câu 5. Đường thẳng $y = 2x + 3$ có hệ số góc bằng:

- A.** 2 **B.** 3 **C.** -3 **D.** -2

Câu 6. Khi gieo một con xúc xắc, có bao nhiêu kết quả có thể xảy ra?

- A.** 6. **B.** 5. **C.** 4. **D.** 3.

Câu 7. Nếu tung một đồng xu 25 lần liên tiếp, có 13 lần xuất hiện mặt N thì xác suất thực nghiệm của biến cố “Mặt xuất hiện của đồng xu là mặt N” bằng bao nhiêu?

- A.** $\frac{12}{25}$. **B.** $\frac{13}{25}$. **C.** $\frac{12}{13}$. **D.** $\frac{25}{13}$.

Câu 8. Một hộp chứa các quả bóng giống nhau có các màu xanh dương, cam và vàng. Trong 24 lần lấy bóng liên tiếp, quả bóng màu vàng xuất hiện 9 lần. Xác suất thực nghiệm của biến cố “Quả bóng lấy ra là quả bóng màu vàng” là

A. $\frac{3}{7}$.

B. $\frac{3}{8}$.

C. $\frac{3}{4}$.

D. $\frac{2}{5}$.

Câu 9. Cho $AB = 4$ cm, $AC = 8$ cm. Tỉ số của hai đoạn thẳng AB, AC là :

A. $\frac{1}{2}$.

B. $\frac{3}{4}$.

C. $\frac{4}{3}$.

D. 2.

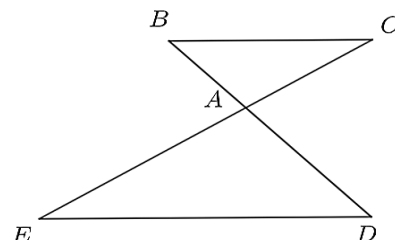
Câu 10. Cho hình vẽ bên, biết $BC \parallel ED$. Chọn khẳng định **sai** trong các khẳng định dưới đây.

A. $\frac{AB}{AD} = \frac{BC}{DE}$.

B. $\frac{AD}{AB} = \frac{AE}{AC}$.

C. $\frac{AD}{AB} = \frac{AE}{AC} = \frac{DE}{BC}$.

D. $\frac{AB}{DB} = \frac{AC}{CE} = \frac{BC}{DE}$.



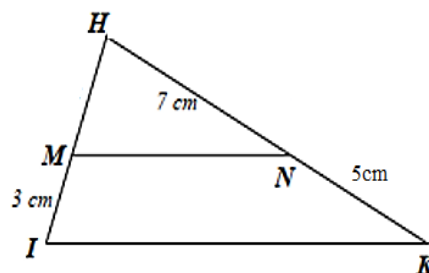
Câu 11. Cho hình vẽ bên, biết $MN \parallel IK$, $MI = 3$ cm, $HN = 7$ cm, $NK = 5$ cm. Khi đó độ dài đoạn thẳng HM bằng :

A. 4,2 cm.

B. 2,5 cm.

C. 7 cm.

D. 5,25 cm.



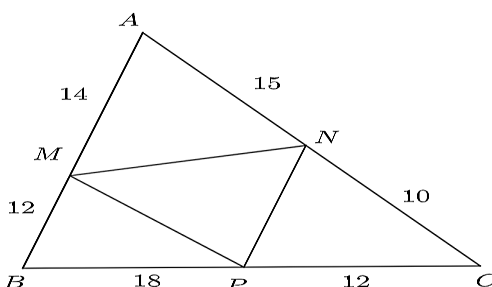
Câu 12. Cho hình vẽ dưới đây. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $MP \parallel AC$.

B. $MN \parallel BC$.

C. $NP \parallel AB$.

D. $MP \parallel AN$.



II. Câu trắc nghiệm đúng sai (2,0 điểm). Thí sinh trả lời từ câu 13 đến câu 14. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai. Ghi chữ Đ trước câu đúng và ghi chữ S trước câu sai.

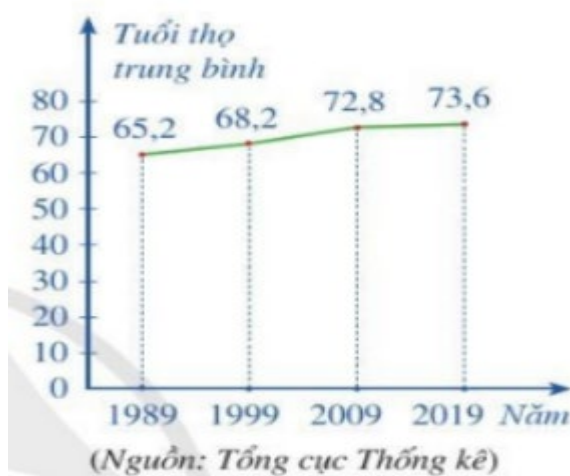
Câu 13. Biểu đồ đoạn thẳng trong (hình bên) biểu diễn tuổi thọ trung bình của người Việt Nam qua 30 năm (từ năm 1989 đến năm 2019).

☐ a) Từ biểu đồ đoạn thẳng, ta có bảng thống kê tuổi thọ trung bình của người Việt Nam trong các năm 1989, 1999, 2009, 2019 (đơn vị: tuổi) như sau:

Năm	1989	1999	2009	2019
Tuổi thọ trung bình	65,2	68,2	72,8	73,6

☐ b) Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 2019 so với năm 1989 đã tăng lên 113%

☐ c) Tỉ số phần trăm của tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 2019 so với tuổi thọ trung bình của người Việt Nam năm 1989 là: $\frac{73,6 \cdot 100}{65,2} \% \approx 113\%$.



☐ d) Một bài báo có nêu thông tin: So với năm 1989, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam trong năm 2019 đã tăng lên 14%. Thông tin của bài báo đó là chính xác.

Câu 14: Bảng thống kê số lượng học sinh từng lớp ở khối lớp 8 của một trường trung học cơ sở dự kiểm tra cuối Học kì I môn Toán.

- ☐ a) Tất cả các học sinh lớp 8 đều tham gia dự thi.
- ☐ b) Tổng số học sinh khối lớp 8 của trường là 136.
- ☐ c) Số học sinh dự thi của lớp 8A₁ là 34 học sinh
- ☐ d) Số liệu của lớp 8A₃ là không hợp lí.

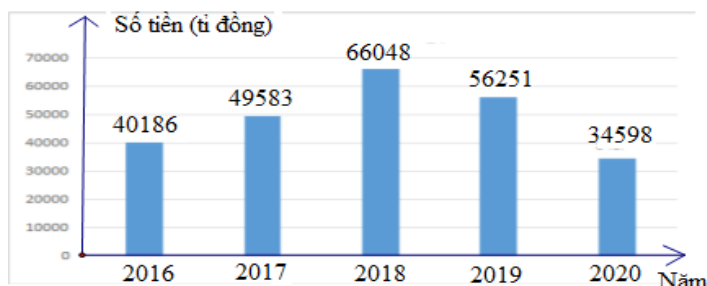
Lớp	Sĩ số	Số học sinh dự thi
8A ₁	34	33
8A ₂	35	35
8A ₃	33	35
8A ₄	34	34

III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. (2,0 điểm) Thí sinh trả lời từ câu 15 đến câu 18.

Câu 15: Biểu đồ cột ở (hình bên) biểu diễn ngân sách thu được từ dầu thô (ước đạt) trong tổng thu ngân sách nhà nước của Việt Nam trong các năm 2016, 2017, 2018, 2019, 2020.

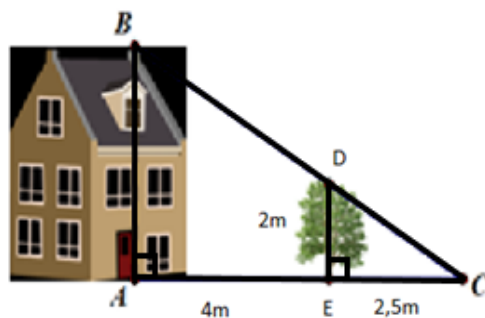
Ngân sách thu được từ dầu thô của nước ta năm nào là ít nhất?

Đáp án:



Câu 16. Nếu cho thêm 6 chiếc bút bi đỏ vào hộp có 44 chiếc bút thì khi chọn ngẫu nhiên một chiếc bút trong hộp, xác suất chọn được bút bi đỏ là 20%. Hỏi ban đầu trong hộp bút có bao nhiêu chiếc bút bi đỏ?

Câu 17. Để tính chiều cao AB của ngôi nhà (như hình vẽ), người ta đo chiều cao của cái cây ED = 2m và đo được các khoảng cách AE = 4m, EC = 2,5m. Hỏi chiều cao AB của ngôi nhà là bao nhiêu mét ?



Câu 18. Cho tam giác ACE vuông tại A, D thuộc cạnh CE, kẻ DB vuông góc với AC tại B. Biết $BC = 2$; $CE = 4,5$; $AB = x$; $CD = 3x$. Tìm độ dài đoạn thẳng CD.?

B. TỰ LUẬN (3,0 điểm). Thí sinh làm bài từ câu 19 đến câu 21.

Câu 19. (1,0đ)

- a) Vẽ đồ thị của hàm số $y = 3x + 6$
- b) Cho hàm số $y = ax + b (a \neq 0)$, xác định các hệ số a và b, biết đồ thị của hàm số song song với đường thẳng $y = 2x$ và đi qua điểm M(-1; 5).

Câu 20. (1,0đ) Viết ngẫu nhiên một số tự nhiên có một chữ số.

a) Viết tập hợp A gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên được viết ra? Tìm số phần tử của tập hợp A ?

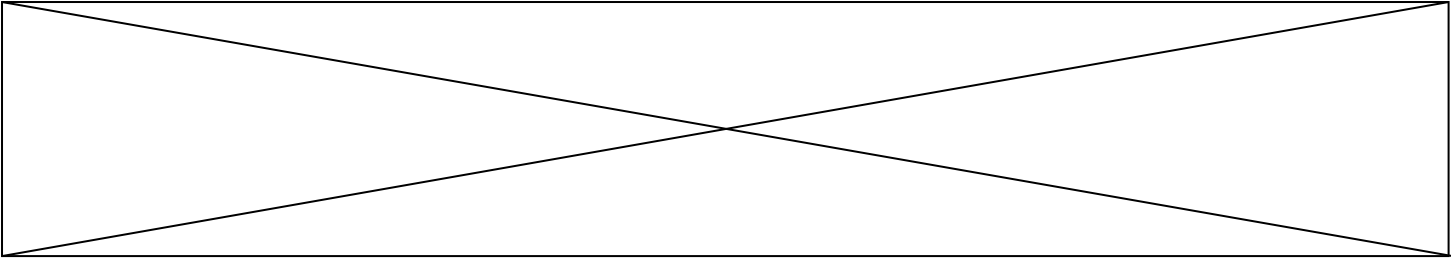
b) Tính xác suất của biến cố : “Số tự nhiên được viết ra là số lẻ”.

Câu 21. (1,0đ) Cho tứ giác ABCD có M, N, P, Q lần lượt là trung điểm của các cạnh AB, BC, CD, DA. Hỏi tứ giác MNPQ là hình gì ? Vì sao ?.

.....

Họ tên HS:SBD:

Chữ kí giám thị:



A series of horizontal dotted lines for writing, spanning the width of the page below the diagram.

HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II

NĂM HỌC: 2024 – 2025

Môn : **Toán** – Lớp : 8

A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN

I. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn.

Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm

ĐỀ 801

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	C	B	C	C	D	A	D	B	C	B	B

ĐỀ 802

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	D	C	D	A	A	B	B	A	D	A	C

II. Câu trắc nghiệm đúng sai.

Mỗi câu điền đúng được 0,25 điểm

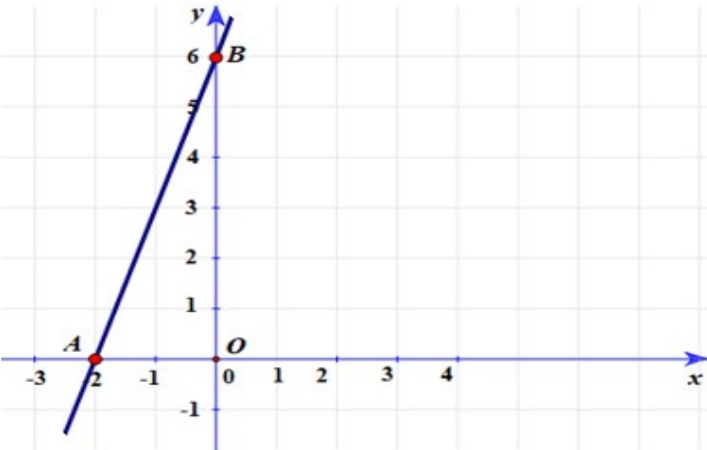
Câu	13				14			
	a	b	c	d	a	b	c	d
ĐỀ 801	S	Đ	S	Đ	Đ	S	Đ	S
ĐỀ 802	Đ	S	Đ	S	S	Đ	S	Đ

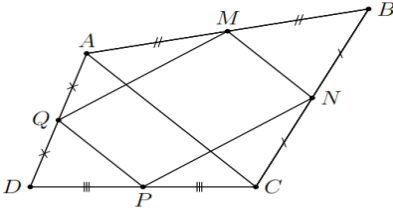
III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn.

Mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm

Câu	15	16	17	18
ĐỀ 801	2018	2	7,5m	9
ĐỀ 802	2020	4	5,2m	3

B. TỰ LUẬN

Câu	Nội dung	Điểm
1 (1,0đ)	Học sinh tìm được A(-2; 0), B(0; 6)	0,25
		0,25
	Vì đồ thị của hàm số song song với đường thẳng $y = 2x$ nên $\begin{cases} a = 2 \\ b \neq 0 \end{cases}$	0,25
	Vì đồ thị của hàm số đi qua điểm M(-1;5) Nên $2(-1) + b = 5$ $b = 7$ (TMĐK) Vậy $a = 2, b = 7$	0,25
2 (1,0đ)	Tập hợp A gồm các kết quả có thể xảy ra đối với số tự nhiên được viết ra là: $A = \{0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9\}$.	0,25

		Tập hợp A có 10 phần tử	0,25
	b (0,5đ)	Các kết quả thuận lợi cho biến cố “Số tự nhiên được viết ra là số lẻ” là: 1; 3; 5; 7; 9. Có 5 kết quả thuận lợi	0,25
		Xác suất của biến cố là: $\frac{5}{10} = \frac{1}{2}$	0,25
3 (1,0đ)			0,25
		Xét tam giác ABC có : MA = MB (gt) NB = NC (gt) => MN là đường trung bình của tam giác ABC => MN // AC và $MN = \frac{1}{2} AC$ (1)	0,25
		Tương tự, tam giác ADC có QP là đường trung bình => QP // AC và $QP = \frac{1}{2} AC$ (2)	0,25
		Từ (1) và (2) => MN//QP và MN = QP => Tứ giác MNPQ là hình bình hành (Vì tứ giác có hai cạnh đối vừa song song vừa bằng nhau)	0,25

* Mọi cách giải khác đúng hợp logic đều đạt điểm tối đa.